

Bản án số: 32/2022/DS-ST.
Ngày 01-6-2022.
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Linh Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Minh Lý;

Ông Trần Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Hành - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 268/2020/TLST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2022/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 5 năm 2022; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị G (B), sinh năm 1973 – Có mặt.

Địa chỉ: Ấp T V 1, xã T P, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn:* Bà Võ Thị L (M), sinh năm 1966 – Có mặt.

Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1965 – Xin vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Khu phố B N 2, phường G B, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị G trình bày:

Chị và bà L (tên thường gọi là M) chỉ quen biết nhau do bà L thường đi bán vé số ngang qua quán của chị. Thấy hoàn cảnh bà L khó khăn nên khi bà L hỏi vay tiền thì chị đồng ý, chị cho bà L vay tiền nhiều lần bắt đầu từ năm 2018, mỗi lần chỉ vay số tiền nhỏ từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng, những lần vay đó bà

L đều trả đầy đủ nên chị tin tưởng bà L. Đến đầu năm 2019 chị cho bà L vay tiền 04 lần tổng cộng là 340.000.000 đồng, cụ thể:

- Ngày 16-01-2019, bà Lộc vay 100.000.000 đồng, trả góp trong vòng 29 ngày, mỗi ngày góp 4.000.000 đồng, bà L góp được 12 ngày là 48.000.000 đồng thì ngưng;

- Ngày 22-01-2019, bà L vay 70.000.000 đồng, trả góp trong vòng 29 ngày, mỗi ngày góp 2.800.000 đồng, bà L góp được 06 ngày là 16.800.000 đồng thì ngưng;

- Ngày 24-01-2019, bà Lộc vay 70.000.000 đồng, trả góp trong vòng 29 ngày, mỗi ngày góp 2.800.000 đồng, bà L góp được 04 ngày là 11.200.000 đồng thì ngưng;

- Ngày 27-01-2019, bà Lộc vay 100.000.000 đồng, trả góp trong vòng 29 ngày, mỗi ngày góp 4.000.000 đồng, bà L góp được 01 ngày là 4.000.000 đồng thì ngưng.

Đến ngày 04-9-2019, bà L nói không góp nổi nữa nên xin ngưng tiền lãi mà chỉ trả tiền nợ gốc thì chị đồng ý, chị và bà L chốt số nợ còn lại tổng cộng là 300.000.000 đồng (trong đó có 24.000.000 đồng tiền hụi chết bà L nợ chị trước đó) và bà L cùng chồng là ông Đ ký tên vào giấy nợ giao cho chị giữ. Theo giấy chốt nợ thì bà L hứa trả dần cho chị mỗi tháng 6.000.000 đồng đến khi hết số nợ trên nhưng bà L không trả nợ đầy đủ như thỏa thuận. Từ khi chốt nợ đến tháng 6-2020, bà L trả cho chị được số tiền 12.400.000 đồng thì ngưng đến nay. Theo đơn khởi kiện chị yêu cầu bà L và ông Đ trả số tiền 288.000.000 đồng.

Nhưng nay chị được biết là lãi suất chị và bà L thỏa thuận vượt quá quy định pháp luật nên chị đồng ý tính lại số tiền bà L đã trả cho chị theo lãi suất quy định của pháp luật, số tiền lãi đã trả vượt quá quy định pháp luật thì chị đồng ý trừ vào tiền nợ gốc và trừ đi số tiền 12.400.000 đồng bà L đã trả cho chị. Chị yêu cầu bà L và ông Đ trả cho chị số tiền 272.713.318 đồng, làm tròn là 272.700.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Theo các lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Võ Thị L trình bày:

Bà thừa nhận có vay tiền của chị G (tên thường gọi là B) theo các giấy nợ như chị G trình bày, lãi suất và số tiền bà đã trả cho chị G như chị G trình bày là đúng, trong tổng số nợ 300.000.000 đồng có cộng dồn cả tiền lãi nhưng bà không biết tiền lãi là bao nhiêu do số nợ đã lâu, đến khi bà không trả nổi thì mới viết lại giấy nợ và cộng dồn tiền lãi vào tiền nợ gốc. Bà có tham gia chơi hụi đây hụi 3.000.000 đồng/tháng, khai ngày 15-6-2018 do chị G làm chủ thảo và có nợ chị G số tiền hụi chết 24.000.000 đồng và cộng chung với tiền vay thành 300.000.000 đồng như chị G trình bày. Hiện nay do hoàn cảnh gia đình bà quá khó khăn và trước đây bà đã trả lãi cho chị G quá nhiều nên bà chỉ đồng ý trả cho chị G số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng.

Bà không có chứng cứ chứng minh về số tiền lãi bà đã trả cho chị G vì mỗi

lần trả tiền lãi chỉ có bà và chị G biết cũng không lập giấy tờ gì.

Theo các lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Văn Đ trình bày:

Ông là chồng của bà L, việc bà L vay tiền của chị G ông không biết, đến khi chị G đến nhà yêu cầu vợ chồng ông trả nợ thì ông mới biết.

Nay ông không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của chị G.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về quyền và nghĩa vụ của các đương sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 463, 466, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị G đối với bà Võ Thị L và ông Trần Văn Đ. Buộc bà Võ Thị L và ông Trần Văn Đ trả cho chị Trần Thị G số tiền 272.700.000 đồng (sau khi đã xem xét khấu trừ số tiền lãi đã trả vượt quá quy định pháp luật).

Về án phí: Buộc bà L và ông Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Ông Trần Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về việc thay đổi, bổ sung, rút yêu cầu khởi kiện: Tại đơn khởi kiện ngày 06-10-2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, chị Trần Thị G (B) khởi kiện yêu cầu bà Võ Thị L (M) và ông Trần Văn Đ có nghĩa vụ trả cho chị G số tiền nợ gốc 288.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể chỉ yêu cầu bà L và ông Đ trả số tiền 272.700.000 đồng. Xét thấy, việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu mà nguyên đơn đã rút.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị G yêu cầu bà Võ Thị L và ông Trần Văn Đ trả số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng theo giấy nợ ngày 04-9-2019, bà L thỏa thuận trả dần mỗi tháng số tiền 6.000.000 đồng nhưng bà L chỉ trả được đến tháng 6-2020 thì ngưng nên chị G khởi kiện. Số tiền 300.000.000 đồng là số tiền còn lại của các khoản tiền vay theo các giấy nợ ngày 16-01-2019, 22-01-2019, 24-01-2019 và 27-01-2019 theo phương thức trả góp trong vòng 29 ngày. Bà L thừa nhận có vay tiền của chị G theo các giấy nợ trên và thừa nhận chữ viết, chữ ký trong các giấy nợ là do bà tự viết và ký tên. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự.

[3.2] Quá trình giải quyết vụ án, chị G và bà L đều thừa nhận phương thức trả tiền vay như sau:

Đối với 70.000.000 đồng tiền nợ gốc thì trả góp trong 29 ngày, mỗi ngày 2.800.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 81.200.000 đồng;

Đối với 100.000.000 đồng tiền nợ gốc thì trả góp trong 29 ngày, mỗi ngày 4.000.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 116.000.000 đồng;

Như vậy, việc hai bên thỏa thuận cho vay trả góp là bao gồm tiền nợ gốc và tiền lãi, nhưng mức lãi suất hai bên thỏa thuận (tương đương 16%/tháng) vượt quá quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Nên Hội đồng xét xử tính lại tiền lãi theo mức lãi suất quy định của pháp luật như sau:

- Đối với số tiền vay 100.000.000 đồng, ngày 16-01-2019, bà L góp được 12 ngày, tiền lãi theo quy định pháp luật là:

$$(100.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/12 \text{ tháng}/30 \text{ ngày}) \times 12 \text{ ngày} = 666.666 \text{ đồng.}$$

- Đối với số tiền vay 70.000.000 đồng, ngày 22-01-2019, bà L góp được 06 ngày, tiền lãi theo quy định pháp luật là:

$$(70.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/12 \text{ tháng}/30 \text{ ngày}) \times 06 \text{ ngày} = 233.333 \text{ đồng.}$$

- Đối với số tiền vay 70.000.000 đồng, ngày 24-01-2019, bà L góp được 04 ngày, tiền lãi theo quy định pháp luật là:

$$(70.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/12 \text{ tháng}/30 \text{ ngày}) \times 04 \text{ ngày} = 155.555 \text{ đồng.}$$

- Đối với số tiền vay 100.000.000 đồng, ngày 27-01-2019, bà L góp được 01 ngày, tiền lãi theo quy định pháp luật là:

$$(100.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/12 \text{ tháng}/30 \text{ ngày}) \times 01 \text{ ngày} = 55.555 \text{ đồng.}$$

[3.3] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị G đồng ý tính lại số tiền bà L đã trả cho chị theo lãi suất quy định của pháp luật, số tiền lãi đã trả vượt quá quy định pháp luật thì chị đồng ý trừ vào tiền nợ gốc mà bà L và ông Đ phải trả cho chị nên Hội đồng xét xử ghi nhận và tính lại số tiền nợ gốc cụ thể như sau:

- Đối với số tiền vay 100.000.000 đồng, ngày 16-01-2019, bà L góp được 48.000.000 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định pháp luật là 666.666 đồng, tiền nợ gốc còn lại là:

$100.000.000 \text{ đồng} - (48.000.000 \text{ đồng} - 666.666 \text{ đồng}) = 52.666.666 \text{ đồng}.$

- Đối với số tiền vay 70.000.000 đồng, ngày 22-01-2019, bà L góp được 16.800.000 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định pháp luật là 233.333 đồng, tiền nợ gốc còn lại là:

$70.000.000 \text{ đồng} - (16.800.000 \text{ đồng} - 233.333 \text{ đồng}) = 53.433.333 \text{ đồng}.$

- Đối với số tiền vay 70.000.000 đồng, ngày 24-01-2019, bà L góp được 11.200.000 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định pháp luật là 155.555 đồng, tiền nợ gốc còn lại là:

$70.000.000 \text{ đồng} - (11.200.000 \text{ đồng} - 155.555 \text{ đồng}) = 58.955.555 \text{ đồng}.$

- Đối với số tiền vay 100.000.000 đồng, ngày 27-01-2019, bà L góp được 4.000.000 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định pháp luật là 55.555 đồng, tiền nợ gốc còn lại là:

$100.000.000 \text{ đồng} - (4.000.000 \text{ đồng} - 55.555 \text{ đồng}) = 96.055.555 \text{ đồng}.$

Tổng số tiền nợ gốc bà L và ông Đ còn nợ chị G là 261.111.109 đồng.

[3.4] Ngoài ra, chị G trình bày trong giấy chốt nợ ngày 04-9-2019 có tính số tiền hụi chết mà bà L còn nợ chị là 24.000.000 đồng. Bà L cũng thừa nhận có tham gia chơi hụi do chị G làm chủ thảo và còn nợ chị G số tiền hụi chết là 24.000.000 đồng. Chị G và bà L đều thừa nhận trong khoảng thời gian từ tháng 9-2019 đến tháng 6-2020, bà L đã trả cho chị G được số tiền 12.400.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Như vậy, bà L và ông Đ còn nợ chị G tổng số tiền 272.711.109 đồng, chị G đồng ý làm tròn thành 272.700.000 đồng.

[3.5] Bà L không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của chị G và chỉ đồng ý trả cho chị G số tiền 20.000.000 đồng, vì bà cho rằng trong số nợ trên có bao gồm cả tiền lãi nhưng bà không xác định được tiền lãi là bao nhiêu và không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận.

[3.6] Xét lời trình bày của ông Đ về việc không biết bà L vay tiền của chị G, ông không ký tên vào giấy nợ ngày 04-9-2019 nên không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của chị G. Theo yêu cầu của chị G, Tòa án đã tiến hành trưng cầu Phân viện khoa học Hình sự - Bộ Công an giám định chữ viết, chữ ký của ông Đ trong giấy nợ trên. Tại Kết luận giám định số 1104/KL-KTHS, ngày 08-3-2022 của Phân viện khoa học Hình sự - Bộ Công an thể hiện: Chữ ký, chữ viết “Đ” và “Trần Văn Đ” trên tài liệu cần giám định và các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký và viết ra. Như vậy, có căn cứ xác định ông Đ có biết về số nợ của chị G và cùng ký tên xác nhận nợ với bà L. Ngoài ra, ông Đ và bà L hiện còn chung sống, hoạt động kinh tế chung, bà L trình bày bà vay tiền của chị G để làm vốn bán vé số, lo chi phí sinh hoạt chung trong gia đình nên có căn cứ buộc ông Đ cùng có trách nhiệm với bà L trả nợ theo yêu cầu của chị G.

[3.7] Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị G, buộc bà Võ Thị L và ông Trần Văn Đ có nghĩa vụ trả cho chị Trần Thị G số tiền 272.700.000 đồng.

Ghi nhận chị G không yêu cầu tính lãi suất.

[4] Như phân tích trên có căn cứ chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án.

[5] Về chi phí giám định: Chi phí giám định chữ ký, chữ viết là 3.300.000 đồng, chị G đã nộp toàn bộ chi phí này. Do yêu cầu giám định của chị G là có căn cứ nên bà L và ông Đ phải chịu chi phí giám định, buộc bà L và ông Đ có nghĩa vụ trả lại cho chị G số tiền 3.300.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 161 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[6] Án phí: Bà L và ông Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện của chị G được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228, Điều 161 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 463, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị G (B) đối với bà Võ Thị L (M) và ông Trần Văn Đ.

Buộc bà Võ Thị L (M) và ông Trần Văn Đ có nghĩa vụ trả cho chị Trần Thị G (B) số tiền 272.700.000 (Hai trăm bảy mươi hai triệu bảy trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Ghi nhận chị Trần Thị G (B) không yêu cầu tính lãi suất.

2. Về chi phí giám định: Buộc bà Võ Thị L (M) và ông Trần Văn Đ có nghĩa vụ trả cho chị Trần Thị G (B) số tiền 3.300.000 (Ba triệu ba trăm nghìn) đồng.

3. Án phí:

Chị Trần Thị G (B) không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho chị Trần Thị G (B) 7.200.000 (Bảy triệu hai trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014731, ngày 22-10-2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Bà Võ Thị L (M) và ông Trần Văn Đ phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 13.635.000 (Mười ba triệu sáu trăm ba mươi lăm nghìn) đồng.

4. Báo cho chị G, bà L biết có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Đ vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- Lưu: Ấn văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Linh Ngọc